

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp. HCM: 156 - 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: + 84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES)
Công ty Thành viên của Reanda International

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vinh Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vinh Khánh (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vinh Khánh (Công ty TNHH Vinh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 04 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC
Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

Địa chỉ : 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : +84 (650) 3751 501
Fax : +84 (650) 3751 699
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

• Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên chi nhánh, văn phòng đại diện	Địa chỉ
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ	Số 62/9 Nguyễn Văn Cừ, khu phố 4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Chi nhánh Tp. HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện	Số 11 ID Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế).

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

4.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014
Ông Hoàng Văn Quyền	Thành viên	28/04/2014
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014
Ông Yuhsing Lin	Thành viên	18/04/2015

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	05/05/2014	
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	08/05/2014	
Ông Võ Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	11/05/2015	
Ông Lê Phạm Vinh	Phó Tổng Giám đốc		31/3/2015
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính - KTT	28/12/2015	

5 Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lâm Quy Chương - Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 39.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính, các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân tích tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các công ty hay các bên liên quan.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

TM. Hội đồng Quản trị



Lâm Duy Chương

HAN
VAN
T
H

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của *Reanda International*

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Trụ sở văn phòng: 156-158 Phó Quang, phường 9, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM

Tel 84 (8) 3999 00 91~97

Fax: +84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com

Website: www.vietvalues.com



Số: 2171/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016 (từ trang 08 đến trang 39) của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Khánh tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Khánh được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Minh Tuyền – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2701-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Di An, tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		453.022.002.718	436.485.228.104
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	106.658.600.272	71.962.946.261
111	1. Tiền		63.835.522.196	53.271.900.548
112	2. Các khoản tương đương tiền		42.823.078.076	18.691.045.713
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		156.557.744.914	169.793.638.834
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	134.731.865.138	141.786.256.209
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	17.799.067.318	12.023.448.258
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	5.500.000.000	12.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.1	3.687.140.731	7.708.851.931
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(5.160.328.273)	(4.524.917.564)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	186.553.899.408	193.243.836.160
141	1. Hàng tồn kho		189.697.642.343	196.265.561.983
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(3.143.742.935)	(3.021.725.823)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.251.758.124	1.484.806.849
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8.1	35.330.966	1.078.029.507
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.826.168.732	406.777.342
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		390.258.426	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		122.390.879.949	105.449.801.206
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.928.829	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.2	381.928.829	-
220	II. Tài sản cố định		107.549.103.397	99.814.508.380
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	100.988.927.275	96.136.091.570
222	- Nguyên giá		258.243.693.617	239.468.181.473
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(157.254.766.342)	(143.332.089.903)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	3.129.694.570	-
225	- Nguyên giá		3.182.740.240	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(53.045.670)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	3.430.481.552	3.678.416.810
228	- Nguyên giá		7.097.402.879	7.001.402.879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.666.921.327)	(3.322.986.059)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		8.017.739.858	2.219.498.012
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	8.017.739.858	2.219.498.012
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.442.107.865	3.415.794.814
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8.2	4.909.689.091	1.780.275.877
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	1.532.418.774	1.635.518.937
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		575.412.882.667	541.935.029.310

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Di An, tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C- NỢ PHẢI TRẢ		405.308.400.399	379.210.588.738
310	I. Nợ ngắn hạn		403.640.998.152	379.210.588.738
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	163.471.781.081	141.005.784.022
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	1.632.550.672	1.045.753.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	4.616.540.089	2.127.187.758
314	4. Phải trả người lao động	V.17	2.884.991.187	2.297.110.135
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	581.017.982	468.637.104
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	770.305.156	1.680.145.827
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20.1	227.620.576.650	228.900.162.437
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.063.235.335	1.685.808.249
330 ^a	II. Nợ dài hạn		1.667.402.247	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20.2	1.667.402.247	-
400	D- VỐN CHỦ SỞ HỮU		170.104.482.268	162.724.440.572
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	170.104.482.268	162.724.440.572
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		130.000.000.000	130.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		130.000.000.000	130.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.924.626.068	12.787.455.118
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.179.856.200	19.936.985.454
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.525.472.602	8.565.275.948
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		22.654.383.598	11.371.709.506
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)		575.412.882.667	541.935.029.310

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc







Nguyễn Thị Thùy Hằng

Dương Minh Hòa

Lâm Quy Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.055.884.376.138	848.212.954.353
02	2. Các khoản giảm trừ		-	1.819.367.571
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.055.884.376.138	846.393.586.782
11*	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	976.436.714.614	788.498.470.696
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		79.447.661.524	57.895.116.086
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.231.637.741	1.303.482.277
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	17.649.309.191	15.851.278.052
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		16.501.940.017	17.402.291.142
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	18.443.068.506	15.391.096.272
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	15.683.617.446	14.058.061.896
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		29.903.304.122	13.898.162.143
31	11. Thu nhập khác	VI.7	667.841.081	1.068.036.970
32	12. Chi phí khác	VI.8	1.180.705.919	140.922.151
40	13. Lợi nhuận khác		(512.864.838)	927.114.819
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.390.439.284	14.825.276.962
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	6.632.955.523	3.295.809.049
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	103.100.163	157.758.407
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.654.383.598	11.371.709.506
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	VI.10	1.394	700

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Hằng

Dương Minh Hòa



Lâm Quý Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29.390.439.284	14.825.276.962
	2. Điều chỉnh các khoản		36.167.693.989	41.949.139.774
02	- Khấu hao tài sản cố định		15.067.088.410	15.118.237.730
03	- Các khoản dự phòng		757.427.821	810.236.314
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		27.816.748	89.622.651
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		3.813.420.993	8.528.751.937
06	- Chi phí lãi vay		16.501.940.017	17.402.291.142
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		65.558.133.273	56.774.416.736
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		9.737.924.625	(22.412.989.947)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.567.919.640	(22.621.093.972)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		22.867.767.734	22.223.951.754
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.086.714.673)	874.659.343
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.389.559.139)	(17.402.291.142)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.400.437.752)	(1.943.516.395)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.896.914.816)	(1.095.316.584)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		80.958.118.892	14.397.819.793
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(32.966.424.587)	(21.485.146.131)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(721.760.633)	1.720.497.184
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(12.800.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	7.711.642.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.274.838.956	1.067.350.567
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(32.413.346.266)	(23.785.656.380)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		731.025.084.637	717.732.793.223
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(729.991.879.184)	(696.318.616.031)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		(645.388.993)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.276.000.000)	(5.125.275.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.888.183.540)	16.288.902.192
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		34.656.589.086	6.901.065.605
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		71.962.946.261	65.061.880.656
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		39.064.925	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	106.658.600.272	71.962.946.261


Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc


Nguyễn Thị Thùy Hằng


Dương Minh Hòa




Lâm Quy Chương

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sảm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thùy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tét bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
4. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thời, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 263 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 217 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

01/20
GT
M H
VÀ T
NV
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 50 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính. Số năm khấu hao ước tính của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Cơ sở tính và trích lương

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 Tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.450 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.450 VND/USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tỷ giá 22.540 VNĐ/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	440.012.930	437.389.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.395.509.266	52.834.511.284
Các khoản tương đương tiền	42.823.078.076	18.691.045.713
Cộng	<u>106.658.600.272</u>	<u>71.962.946.261</u>

1.1 Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)	10.860.213.238	5.419.442.457
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (*)	14.058.039.294	12.897.937.385
- Ngân hàng TMCP Á Châu	390.874.155	373.665.871
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	2.513.951.389	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	15.000.000.000	-
Cộng	<u>42.823.078.076</u>	<u>18.691.045.713</u>

(*) Giá trị của các hợp đồng tiền gửi được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.20.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	134.731.865.138	141.786.256.209
- Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông FPT	31.484.172.500	44.093.410.240
- Trung Tâm Cung Ứng Vật Tư - Viễn Thông Tp.HCM	12.302.388.219	12.639.228.800
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	5.964.658.008	6.823.384.208
- Viễn Thông Đồng Tháp	4.883.890.000	406.560.000
- Công ty Cp TM Xây Lắp Thái Bình Dương VN	2.688.200.698	4.453.076.513
- Viễn Thông Tây Ninh	2.178.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Nguyễn	1.755.878.070	2.781.701.270
- Các đối tượng khác	73.474.677.643	77.818.839.386
Cộng (*)	<u>134.731.865.138</u>	<u>141.786.256.209</u>

(*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	17.799.067.318	12.023.448.258
- Công ty TNHH Wenwu	11.310.053.769	4.529.274.352
- DNTN Mai Thọ Sơn	1.350.369.894	1.397.362.165
- Dow Chemical Pacific Ltd	650.527.020	-
- Các đối tượng khác	4.488.116.635	6.096.811.741
Cộng	17.799.067.318	12.023.448.258

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	5.500.000.000	7.800.000.000
- Lâm Quy Chương (1)	5.500.000.000	7.800.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác	-	5.000.000.000
- Công ty TNHH TMDV Võ Quang Đức	-	5.000.000.000
Cộng	5.500.000.000	12.800.000.000

(1) Là khoản cho vay theo HD tín dụng số 03/VK-QC/15, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 1%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	638.382.160	-	389.382.160	-
- Tạm ứng của các bên liên quan	638.382.160	-	389.382.160	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.048.758.571	-	7.319.469.771	-
- Tạm ứng của các bên khác	638.222.992	-	644.190.510	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.761.206.217	-	3.389.908.597	-
- Các đối tượng khác	649.329.362	-	3.285.370.664	-
Cộng	3.687.140.731	-	7.708.851.931	-

5.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	381.928.829	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	381.928.829	-	-	-
Cộng	381.928.829	-	-	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Nợ phải thu ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu dài hạn</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.524.917.564	-	4.524.917.564	3.674.678.981
Trích lập dự phòng bổ sung	635.410.709	-	635.410.709	850.238.583
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-	-
Số cuối năm	5.160.328.273	-	5.160.328.273	4.524.917.564

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	59.386.088.137	-	69.525.733.183	-
Công cụ, dụng cụ	253.309.091	-	190.909.091	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	612.101.427	-	3.765.825.251	-
Thành phẩm	42.763.099.004	(3.143.742.935)	52.749.298.829	(3.021.725.823)
Hàng hóa	86.683.044.684	-	70.033.795.629	-
Cộng (*)	189.697.642.343	(3.143.742.935)	196.265.561.983	(3.021.725.823)

(*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.20.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	35.330.966	1.078.029.507
Cộng	35.330.966	35.330.966

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	1.692.299.318	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	3.217.389.773	1.780.275.877
Cộng (*)	4.909.689.091	1.780.275.877

(*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	1.780.275.877	1.097.180.397
Phát sinh trong năm	3.826.951.867	2.474.052.356
Phân bổ trong năm	(697.538.653)	(1.790.956.876)
Cộng	4.909.689.091	1.780.275.877

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.861.184.088	202.158.678.376	11.905.243.127	960.690.728	582.385.154	239.468.181.473
Tăng trong năm	4.960.974.552	15.430.286.130	3.498.181.819	-	-	23.889.442.501
- Mua trong năm	-	15.430.286.130	3.498.181.819	-	-	18.928.467.949
- XDCB hoàn thành	4.960.974.552	-	-	-	-	4.960.974.552
Giảm trong năm	-	(3.182.740.240)	(1.931.190.117)	-	-	(5.113.930.357)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	(3.182.740.240)	(1.931.190.117)	-	-	(5.113.930.357)
Số cuối năm (*)	28.822.158.640	214.406.224.266	13.472.234.829	960.690.728	582.385.154	258.243.693.617
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	3.281.403.448	76.841.319.743	4.210.339.699	390.500.928	-	84.923.563.818
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.218.178.507	127.092.832.423	7.338.670.464	674.319.826	8.088.683	143.332.089.903
Khấu hao trong năm	1.032.507.629	12.520.717.860	964.331.816	55.485.984	97.064.193	14.670.107.482
Giảm trong năm	-	(168.074.007)	(579.357.036)	-	-	(747.431.043)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	(168.074.007)	(579.357.036)	-	-	(747.431.043)
Số cuối năm	9.250.686.136	139.445.476.276	7.723.645.244	729.805.810	105.152.879	157.254.766.342
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	15.643.005.581	75.065.845.953	4.566.572.663	286.370.902	574.296.471	96.136.091.570
Số cuối năm	19.571.472.504	74.960.747.990	5.748.589.585	230.884.918	477.232.275	100.988.927.275

() Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 12.849.636.380 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.20).*

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc, thiết bị (*)</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Mua trong năm	3.182.740.240	3.182.740.240
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	3.182.740.240	3.182.740.240
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	53.045.670	53.045.670
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	53.045.670	53.045.670
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	3.129.694.570	3.129.694.570

(*) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vinh Khánh.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Bản quyền, phần mềm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.628.429.473	372.973.406	7.001.402.879
Mua trong năm	-	96.000.000	96.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	6.628.429.473	468.973.406	7.097.402.879
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	280.835.906	280.835.906
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.026.773.598	296.212.471	3.322.986.069
Khấu hao trong năm	299.725.884	44.209.374	343.935.258
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	3.326.499.482	340.421.845	3.666.921.327
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.601.655.875	76.760.935	3.678.416.810
Số cuối năm	3.301.929.991	128.551.561	3.430.481.552

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(* Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 3.301.929.991 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.20).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Chi phí phát		Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
	Số đầu năm	sinh trong năm			
Xây dựng cơ bản dở dang	1.781.871.392	12.889.142.336	(4.960.974.552)	(1.692.299.318)	8.017.739.858
Xây nhà xưởng Vĩnh Long	465.904.483	4.493.070.069	(4.960.974.552)	-	-
Chi phí thuê đất	1.315.966.909	376.332.409	-	(1.692.299.318)	-
Xây nhà xưởng quốc lộ 1K	-	8.017.739.858	-	-	8.017.739.858
Sửa chữa lớn tài sản cố định	437.626.620	-	-	(437.626.620)	-
Cộng	2.219.498.012	12.889.142.336	(4.960.974.552)	(2.129.925.938)	8.017.739.858

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khấu hao QSDĐ từ năm 2004 đến năm 2007	392.000.000	392.000.000
- Khấu hao máy móc thiết bị năm 2009	1.140.418.774	1.140.418.774
- Chi phí lãi vay	-	103.100.163
Cộng	1.532.418.774	1.635.518.937

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	163.471.781.081	163.471.781.081	141.005.784.022	141.005.784.022
- Công ty TNHH CN Cao Su Chính Tân VN	112.653.316.900	112.653.316.900	100.511.528.700	100.511.528.700
- Công ty TNHH Quốc tế Maxxis	19.259.472.226	19.259.472.226	9.665.847.855	9.665.847.855
- Công ty TNHH Nhựa TEP	13.130.329.530	13.130.329.530	3.628.939.270	3.628.939.270
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất Phú Mỹ	2.696.100.000	2.696.100.000	4.798.200.000	4.798.200.000
- Các nhà cung cấp khác	15.732.562.425	15.732.562.425	22.401.268.197	22.401.268.197
Cộng	163.471.781.081	163.471.781.081	141.005.784.022	141.005.784.022

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.632.550.672	1.045.753.206
- Công ty TNHH MTV SX TM Điện Thắng	550.061.883	-
- Công ty TNHH SMS Global Technologies	278.998.995	426.258.498
- Các nhà cung cấp khác	803.489.794	619.494.708
Cộng	1.632.550.672	1.045.753.206

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	-	-	16.373.014.397	(16.373.014.397)	-	-
- Thuế nhập khẩu	506.540.809	-	4.582.225.710	(5.479.024.945)	-	390.258.426
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.352.292.654	-	6.632.955.523	(3.400.437.752)	4.584.810.423	-
- Thuế thu nhập cá nhân	54.740.927	-	840.254.708	(863.265.971)	31.729.664	-
- Thuế khác	213.613.368	-	365.835.092	(579.448.460)	-	-
Cộng	2.127.187.758	-	28.794.285.430	(26.695.191.525)	4.616.540.089	390.258.426

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.390.439.284	14.825.276.962
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.227.995.651	1.341.394.032
+ Chi phí không được trừ	1.227.995.651	872.756.928
+ Chi phí trích trước lãi vay	-	468.637.104
- Các khoản điều chỉnh giảm	(468.637.104)	(1.043.434.280)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	(468.637.104)	(1.043.434.280)
Thu nhập chịu thuế	30.149.797.831	15.123.236.714
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	6.632.955.523	3.556.667.619
Thuế TNDN hoàn nhập năm trước (Thuế suất 25%)	-	(260.858.570)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.632.955.523	3.295.809.049

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

17. Phải trả người lao động

Là lương tháng 12 và tháng 13 còn phải chi.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 lô 1, khu phố Châu Thái, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

19. Phải trả ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	226.750.627.650	226.750.627.650	228.900.162.437	228.900.162.437
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM ⁽¹⁾	24.612.619.900	24.612.619.900	32.117.154.696	32.117.154.696
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn ⁽²⁾	29.920.757.600	29.920.757.600	27.161.812.050	27.161.812.050
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương ⁽³⁾	14.138.016.200	14.138.016.200	19.319.243.763	19.319.243.763
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương ⁽⁴⁾	28.117.517.582	28.117.517.582	47.703.983.254	47.703.983.254
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP HCM ⁽⁵⁾	55.864.495.500	55.864.495.500	40.216.558.646	40.216.558.646
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	44.124.658.468	44.124.658.468	33.192.237.100	33.192.237.100
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai ⁽⁷⁾	29.972.562.400	29.972.562.400	17.969.340.128	17.969.340.128
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tp. HCM	-	-	6.054.462.700	6.054.462.700
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM	-	-	5.165.370.100	5.165.370.100
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	869.949.000	869.949.000	-	-
Cộng	227.620.576.650	227.620.576.650	228.900.162.437	228.900.162.437

▪ Chi tiết vay ngắn hạn**I. Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 150752 ngày 21/04/2015 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này.

- + Hạn mức : 2.500.000 USD hoặc (qui đổi tương đương bằng VND);
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Bảo lãnh cá nhân từ Ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc) và thế chấp Quyền sử dụng đất tại xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Xem T.Mình V.10) ;

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Mình V.2 và V.7).

2. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 0125/HĐTĐ - VIB625/15 ngày 22 tháng 06 năm 2015.

- + Hạn mức : 50.000.000.000 VND;
- + Lãi suất : Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : - Hợp đồng tiền gửi của công ty CP Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do VIB phát hành (Xem T.Mình V.1.1) ;
- Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Mình V.7).

3. Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina Chi nhánh Bình Dương

Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 240-27-0804 ngày 01 tháng 09 năm 2011 và phụ lục hợp đồng ANCR/240-27-0804/084 ngày 09 tháng 10 năm 2015.

- + Hạn mức : 29.000.000.000 VND;
- + Lãi suất : tại thời điểm nhận tiền vay;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại xã Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Xem T.Mình V.10) ;

4. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương

Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 012BA15 ngày 12 tháng 01 năm 2015.

- + Hạn mức : 60.000.000.000 VND
- + Lãi suất : Theo thông báo tại thời điểm rút vốn;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : - Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (Xem T.Mình V.10);
Máy móc thiết bị (Xem T.Mình V.9);
Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành (Xem T.Mình V.1.1)

5. Ngân Hàng Natixis – Chi nhánh TP HCM

HĐ hạn mức tín dụng ngắn hạn ngày 15/09/2014 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

- + Hạn mức : 2.000.000 USD;
- + Lãi suất : Được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động ;
- + Hình thức đảm bảo : Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Mình V.2 và V.7);

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 số 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Di An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM

Hợp đồng tín dụng số MBB/HCMC/LO/2015/VCOM/01 ngày 22 tháng 4 năm 2015.

+ Hạn mức	:	2.500.000 USD;
+ Lãi suất	:	Được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động ;
+ Hình thức đảm bảo	:	Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Mình V.2 và V.7);

7. Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai

Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 659-06.2015/HDTDHM-PN/TPBANK-DNI ngày 29/06/2015.

+ Hạn mức	:	20.000.000.000 VNĐ;
+ Lãi suất	:	Được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ;
+ Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động ;
+ Hình thức đảm bảo	:	Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) (Xem T.Mình VIII.6);

20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.667.402.247	1.667.402.247	-	-
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease (1)	1.667.402.247	1.667.402.247	-	-
Cộng	1.667.402.247	1.667.402.247	-	-

(1) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vinh Khánh.

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống (*)	869.949.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.667.402.247	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	2.537.351.247	-

(*) Khoản trả nợ thuê tài chính dưới 1 năm được trình bày ở khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán (Xem T.Mình V20.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	1.685.808.249	2.163.498.945
- Trích lập trong năm	2.276.526.902	1.631.845.906
- Sử dụng trong năm	<u>(1.899.099.816)</u>	<u>(2.109.536.602)</u>
Cộng	<u>2.063.235.335</u>	<u>1.685.808.249</u>

22. Vốn chủ sở hữu**22.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem phụ lục số 01.

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.000.000.000	6.500.000.000

22.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

22.4 Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	19.936.985.454
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ này	22.654.383.598
Giảm trong năm (*)	(16.411.512.852)
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2014	(2.274.341.902)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2014	(1.137.170.950)
- Cổ tức phải trả năm 2014	(13.000.000.000)
Số dư cuối năm	26.179.856.200

(*) Khoản trích giảm trong năm căn cứ theo Nghị quyết số 128/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2015 ngày 18/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	320.711.841.081	199.857.434.790
- Doanh thu bán hàng hóa	735.172.535.057	646.536.151.992
Cộng	<u>1.055.884.376.138</u>	<u>846.393.586.782</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thành phẩm	296.485.863.030	184.809.716.974
- Giá vốn hàng hóa	679.828.834.472	601.845.640.772
- Dự phòng giảm giá HTK	122.017.112	1.843.112.950
Cộng	<u>976.436.714.614</u>	<u>788.498.470.696</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.274.838.956	1.067.350.567
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	168.744.324	146.084.058
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	523.069.640	27.018.731
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	264.984.821	63.028.921
Cộng	<u>2.231.637.741</u>	<u>1.303.482.277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	16.501.940.017	17.402.291.142
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	821.944.517	156.126.824
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	292.801.569	154.566.329
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(1.883.115.219)
- Chi phí tài chính khác	32.623.088	21.408.976
Cộng	17.649.309.191	15.851.278.052

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	7.403.040.760	5.910.849.922
- Chi phí công cụ, dụng cụ	7.650.000	10.956.593
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	446.351.424	288.885.590
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.454.711.921	9.051.045.221
- Các chi phí khác	131.314.401	129.358.946
Cộng	18.443.068.506	15.391.096.272

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.359.073.901	4.986.511.604
Chi phí công cụ dụng cụ	90.588.342	216.771.769
Chi phí khấu hao tài sản cố định	763.596.606	901.128.437
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	796.100.528	699.347.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.452.532.481	6.311.592.602
Các chi phí khác	1.221.725.588	942.710.209
Cộng	15.683.617.446	14.058.061.896

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ chiết khấu mua vỏ xe maxis	462.411.365	-
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	-	233.875.829
Thu tiền bồi thường trạm điện	-	238.505.749
Thu nhập khác	205.429.716	595.655.392
Cộng	667.841.081	1.068.036.970

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	721.760.635	-
Chi phí khác	458.945.284	140.922.151
Cộng	1.180.705.919	140.922.151

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP- NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 số 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Di An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	103.100.163	260.858.570
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(103.100.163)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	103.100.163	157.758.407

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.654.383.598	11.371.709.506
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.530.876.720)	(2.274.341.902)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.123.506.878	9.097.367.604
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	1.394	700

(*) Được xác định bằng 20% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Đây là khoản tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ trích của năm 2015. Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	393.424.404.982	264.811.808.961
- Chi phí nhân công	26.007.831.860	20.313.278.694
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.067.088.410	15.118.237.730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.781.962.187	25.304.941.828
- Chi phí khác	7.318.785.690	3.549.661.373
Cộng	472.600.073.129	329.097.928.586

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	731.025.084.637	717.732.793.223
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>731.025.084.637</u>	<u>717.732.793.223</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	729.991.879.184	696.318.616.031
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>729.991.879.184</u>	<u>696.318.616.031</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập đã phát sinh trong năm	1.979.668.000	1.579.575.368

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.2 Giao dịch và số dư với Ông Lâm Quy Chương – Hiện là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

3.2.1 Các giao dịch thực hiện trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cho vay	2.000.000.000	7.800.000.000
- Thu tiền vay	4.300.000.000	-
- Tạm ứng	225.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.2.2 Số dư cuối năm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu về chợ vay ngắn hạn	5.500.000.000	7.800.000.000
- Tạm ứng	255.000.000	30.000.000

3.2.3 Bảo đảm cá nhân của Ông Lâm Quy Chương

Trong năm ông Lâm Quy Chương đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng cho công ty tại Ngân hàng TNHH United Overseas - Chi nhánh Tp. HCM, Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số V.20).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm.
- Hàng hóa.

Năm nay	Thành phẩm	Hàng hóa	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.711.841.081	735.172.535.057	1.055.884.376.138
Giá vốn hàng bán	296.607.880.142	679.828.834.472	976.436.714.614
Lợi nhuận gộp	24.103.960.939	55.343.700.585	79.447.661.524

Năm trước	Thành phẩm	Hàng hóa	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.857.434.790	646.536.151.992	846.393.586.782
Giá vốn hàng bán	186.652.829.924	601.845.640.772	788.498.470.696
Lợi nhuận gộp	13.204.604.866	44.690.511.220	57.895.116.086

Khu vực địa lý

Năm nay	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	989.097.333.065	66.787.043.073	1.055.884.376.138
Giá vốn hàng bán	914.674.913.426	61.761.801.188	976.436.714.614
Lợi nhuận gộp	74.422.419.639	5.025.241.885	79.447.661.524

Năm trước	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	832.038.012.166	14.355.574.616	846.393.586.782
Giá vốn hàng bán	776.752.851.184	11.745.619.512	788.498.470.696
Lợi nhuận gộp	55.285.160.982	2.609.955.104	57.895.116.086

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Số liệu so sánh

5.1 Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

5.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản				
- Đầu tư ngắn hạn		12.800.000.000	(12.800.000.000)	-
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	12.800.000.000	12.800.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	136	3.285.370.664	4.423.481.267	7.708.851.931
- Tài sản ngắn hạn khác	155	4.423.481.267	(4.423.481.267)	-
Nguồn vốn				
- Quỹ đầu tư phát triển	418	8.905.306.042	3.882.149.076	12.787.455.118
- Quỹ dự phòng tài chính		3.882.149.076	(3.882.149.076)	-
Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Thu nhập khác	31	2.554.658.325	(1.486.621.355)	1.068.036.970
- Chi phí khác	32	1.627.543.506	(1.486.621.355)	140.922.151
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	875	(175)	700

6. Tài sản đảm bảo

- Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Số lượng 3.035.602 cổ phiếu giá trị 30.356.020.000 đồng do Ông Lâm Quy Chương sở hữu đang được quản lý tại công ty TNHH MTV chứng khoán Ngân hàng Đông Á, cho các khoản vay ngắn hạn (Xem Thuyết minh số V.20).
- Nợ phải thu luân chuyển;
- Hàng tồn kho luân chuyển;
- Máy móc thiết bị;
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành;
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành.

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 số 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối năm tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2016.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng



Dương Minh Khoa

Tổng Giám đốc



Lâm Duy Chương

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VINH KHÁNH

Địa chỉ: 630/1 tổ 1, khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Tuyệt minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (1)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	8.905.306.042	4.943.308.186	15.991.714.780	159.840.329.008
- Tăng trong năm trước	-	-	308.812.944	11.371.709.506	11.680.522.450
- Giảm trong năm trước	-	-	1.369.972.054	7.426.438.832	8.796.410.886
Số dư cuối năm trước	130.000.000.000	8.905.306.042	3.882.149.076	19.936.985.454	162.724.440.572
Trình bày lại theo TT 200/2014 – BTC	-	3.882.149.076	(3.882.149.076)	-	-
Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	12.787.455.118	-	19.936.985.454	162.724.440.572
- Tăng trong năm nay	-	1.137.170.950	-	22.654.383.598	23.791.554.548
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	22.654.383.598	22.654.383.598
+ Tăng từ lãi trong năm trước	-	1.137.170.950	-	-	1.137.170.950
- Giảm trong năm nay	-	-	-	16.411.512.852	16.411.512.852
Số dư cuối năm nay	130.000.000.000	13.924.626.068	-	26.179.856.200	170.104.482.268

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hương

Kế toán trưởng

Dương Minh Hòa

Bình Dương, ngày 28 tháng 03 năm 2016.



Lâm Duy Chương

Tuyệt minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính